

Số: 71a /BC-LQD

Bình Sơn, ngày 06 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm 2024

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. THÔNG TIN CHUNG

2. Tên cơ sở giáo dục

Trường THPT Lê Quý Đôn

3. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử)

Địa chỉ: 183 Trần Công Hiến – Thị trấn Châu Ổ – Bình Sơn - Quảng Ngãi

Điện thoại: 02553.851024

Website: <https://c3lequydon.quangngai.edu.vn>

4. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu:

Loại hình: Công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi.

5. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

5.1. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập về nề nếp, kỷ cương có chất lượng giáo dục cao, để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Đào tạo ra những thế hệ học sinh vừa hồng vừa chuyên có đầy đủ năng lực, đạo đức để đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

5.2. Tầm nhìn

Tiếp tục phấn đấu giữ vững thành tích, phấn đấu đến năm 2030 sẽ khẳng định vị thế của nhà trường có chất lượng giáo dục tốt, là nơi học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện có khát vọng vươn tới đỉnh cao, là nơi giáo viên mong muốn được công tác ở trường.

5.3. Mục tiêu chung

Xây dựng nhà trường có chất lượng và hiệu quả cao, có mô hình giáo dục,

hướng đến thân thiện, hiện đại, tiên tiến, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế, có uy tín và chất lượng cao, tạo được niềm tin ở cha mẹ học sinh và của các cấp lãnh đạo, các ban ngành đoàn thể.

Phát triển toàn diện đức, trí, lao, thể, mỹ. Hình thành phẩm chất, nhân cách, năng lực công dân. Tìm tòi, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh.

Trong giáo dục không những dạy chữ mà còn dạy kiến thức kỹ năng, kết hợp giáo dục lí tưởng truyền thống. Trang bị kiến thức ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành. Vận dụng kiến thức vào thực tiễn nhằm phát triển khả năng sáng tạo và tự học.

Từng bước nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, xây dựng trường học thân thiện, tạo ra môi trường lành mạnh cho học sinh phát huy khả năng học tập và rèn luyện.

Xây dựng đội ngũ sư phạm vững chuyên môn, giỏi nghiệp vụ; thống nhất trong tư tưởng và hành động; tự tin, nhạy bén, linh hoạt trong giao tiếp, có tâm huyết với nghề, yêu mến ngôi trường mình đang công tác và đáp ứng được yêu cầu phát triển giáo dục của nhà trường.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả học tập của học sinh trên các mặt “Đức - Trí - Văn - Thể - Mỹ”; giáo dục học sinh các đức tính: trung thực, tự tin, có khát vọng vươn lên, năng động thích nghi với môi trường; biết tôn trọng, biết lắng nghe và bày tỏ chính kiến của mình.

Xây dựng môi trường sư phạm hiện đại, có đầy đủ cơ sở vật chất để phát triển các kỹ năng, năng khiếu cho học sinh; tạo lập môi trường thân thiện giữa thầy và trò, giữa nhà trường và cha mẹ học sinh.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, trở thành một trong những trường THPT tiên tiến, hiện đại, thúc đẩy địa phương phát triển nhanh, mạnh, bền vững phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Xây dựng trường học hạnh phúc theo 43 /KH- LQĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 của trường THPT Lê Quý Đôn về việc xây dựng trường học hạnh phúc năm học 2024-2025 gồm 20 tiêu chí, với 03 nhóm tiêu chuẩn, cụ thể: Nhóm tiêu chuẩn về Con người: gồm 06 tiêu chí; Nhóm tiêu chuẩn về Dạy học và hoạt động giáo dục: gồm 08 tiêu chí; Nhóm tiêu chuẩn về Môi trường: gồm 06 tiêu chí.

5.4. Mục tiêu cụ thể

Tăng cường sự lãnh đạo của Cấp ủy, Chi bộ, phát huy sức mạnh hệ thống chính trị của cơ sở trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, xây dựng khối đoàn kết trong đội ngũ và đảm bảo hiệu lực, hiệu quả quản lí nhà nước, tất cả hướng đến sự ổn định, phát triển của đơn vị. Tiếp tục hoàn thiện các nội qui, quy chế, qui trình tổ chức quản lý, quản trị nhà trường, đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số.

Thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ cơ sở, các quy định về đạo đức nhà giáo, quy tắc ứng xử trường học, xây dựng môi trường sư phạm thân thiện, Cán bộ quản lý, giáo viên gương mẫu trong thực hiện nhiệm vụ.

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ nhà trường, thực hiện giám sát, đánh giá, ghi nhận các phản ánh, ý kiến của người học và gia đình người học để nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục.

1. Triển khai và thực hiện tốt chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới: tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên tiếp tục học bồi dưỡng chuyên môn theo Chương trình mới.

2. Tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất; bảo đảm an toàn trường học; rà soát các phương án đảm bảo an toàn tuyệt đối cho học sinh, thực hiện tốt công tác phòng chống tai nạn thương tích, chống đuối nước, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh.

3. Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức tổ chức, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá theo hướng phát huy năng lực, phẩm chất của người học, tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề trong thực tiễn; tổ chức các hoạt động, mô hình giáo dục sáng tạo, lồng ghép định hướng nghề nghiệp.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học và quản lý giáo dục; thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy, học; nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động dạy học trực tuyến, làm nền tảng để xây dựng xã hội học tập, đáp ứng nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của học sinh và nhu cầu học tập suốt đời của người dân.

5. Tích cực triển khai công tác bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên; nâng cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp trong việc tổ chức, phối hợp giáo dục học sinh. Tạo điều kiện cho giáo viên hoàn thiện bồi dưỡng theo yêu cầu của tiêu chuẩn hạng chức danh nghề nghiệp; Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của cơ quan cấp trên.

6. Tập trung đầu tư và xây dựng chính sách phù hợp cho công tác bồi dưỡng học sinh giỏi; phụ đạo học sinh yếu để nâng cao chất lượng mũi nhọn và giảm thiểu học sinh lưu ban, bỏ học. Nâng cao tỷ lệ bình quân điểm số các bộ môn thi tốt nghiệp THPT.

7. Tăng cường xã hội hóa cơ sở vật chất, nguồn lực đầu tư bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; phát huy hiệu quả hoạt động Hội khuyến học và thu hút, huy động mọi nguồn để góp phần xã hội hóa giáo dục đúng luật và hiệu quả.

9. Học sinh được phát triển toàn diện các mặt:

Về tư tưởng chính trị: giáo dục lòng yêu nước yêu chủ nghĩa xã hội, có ý thức cống hiến phấn đấu cho lý tưởng dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

Về đạo đức: giáo dục các em để trở thành những công dân gương mẫu, có lối sống trong sạch lành mạnh, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc; đủ bản lĩnh đấu tranh chống cái xấu, tránh xa các tệ nạn xã hội.

Về kiến thức văn hóa: các em được trang bị những kiến thức theo chương trình phổ thông của Bộ. Trong quá trình học tập, các em được rèn luyện phương pháp làm việc khoa học, độc lập, sáng tạo, tập làm quen với công tác nghiên cứu khoa học và được định hướng nghề nghiệp phù hợp với năng lực và nhu cầu xã hội.

Về ngoại ngữ: sau ba năm học ở trường các em được trang bị kiến thức, kỹ năng giao tiếp thông thường bằng tiếng Anh với người nước ngoài, có thể sử dụng các thông tin trên mạng internet bằng Tiếng Anh phục vụ cho việc học tập.

Về tin học: trang bị những kiến thức cơ bản làm nền tảng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập; biết cách sử dụng và khai thác công nghệ thông tin có hiệu quả; ứng dụng công nghệ thông tin, internet phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học.

Về thể chất: được rèn luyện thân thể, bảo đảm sức khỏe để sinh hoạt và học tập, ngoài ra còn có thể tham gia các môn thể thao khác mà các em yêu thích, đáp ứng nhu cầu vận động giải trí của các em.

Về thẩm mỹ: các em được trang bị những kiến thức cơ bản để nhận thức đúng đắn về cái đẹp, có thể thưởng thức cái đẹp trong cuộc sống nói chung và trong các lĩnh vực âm nhạc, hội họa, nhiếp ảnh, điện ảnh ... nói riêng một cách có văn hóa. Khuyến khích học sinh tích cực tham gia sinh hoạt các câu lạc bộ để rèn luyện thêm kỹ năng.

6. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Trường THPT Lê Quý Đôn được thành lập theo quyết định số:1193/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ngãi ngày 13 tháng 9 năm 1993 mang tên Trường THPT Bán công Bình Sơn. Ngày 01/08/2011, theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi, trường được chuyển sang hệ công lập và mang tên Trường THPT Lê Quý Đôn. Ở năm học đầu tiên, trường chỉ có 08 cán bộ, giáo viên và nhân viên, với 120 học sinh.

Với cơ sở vật chất ban đầu còn thiếu thốn khó khăn, nhà trường đã từng bước phối hợp với các tổ chức và ban đại diện cha mẹ học sinh đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất khang trang như ngày hôm nay. Đáp ứng đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ cho nhu cầu dạy và học.

Tập thể sư phạm nhà trường phần lớn là các giáo viên trẻ tràn đầy nhựa sống và tâm huyết với nghề, có ý thức trách nhiệm trong công tác. Sự năng động sáng tạo của những giáo viên trẻ luôn đem lại những luồng gió mới trong các bài giảng thu hút được các em học sinh, mang lại những tiết dạy tốt, học tốt.

Suốt bao năm qua sự phấn đấu vượt qua khó khăn của thầy và trò ngày càng làm dày thêm thành tích của trường. Hiệu suất đào tạo của trường ngày càng được nâng cao, tỉ lệ tốt nghiệp nhiều năm liền trên bình quân chung của thành phố. Tỷ lệ đậu đại học cao đẳng ngày một nâng cao. Học sinh của trường có nhiều cố gắng và đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi. Nhiều giáo viên của trường tích cực tham gia và đạt giáo viên giỏi cấp trường, cấp Tỉnh.

Với những kết quả đã đạt được nhà trường được các cấp lãnh đạo đánh giá cao và tin tưởng. Nhiều năm liền trường đạt tập thể lao động xuất sắc và nhận 01 cờ thi đua của Bộ GDĐT, 3 bằng khen của UBND Tỉnh, nhiều Giấy khen của Sở GD-ĐT Quảng Ngãi.

7. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ

Người đại diện pháp luật: Lê Chân Thi Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THPT Lê Quý Đôn, 183-Trần Công Hiến, xã Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi.

Số điện thoại: 0987913176

8. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường:

- Trường THPT Lê Quý Đôn được thành lập theo quyết định số:1193/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ngãi ngày 13 tháng 9 năm 1993 mang tên Trường THPT Bán công Bình Sơn. Ngày 01/08/2011, theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi, trường được chuyển sang hệ công lập và mang tên Trường THPT Lê Quý Đôn.

Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

- Quyết định số 2991/QĐ-SGDĐT ngày 23/10/2024 của Sở GDĐT Quảng Ngãi về việc Kiện toàn Hội đồng trường, Trường THPT Lê Quý Đôn, nhiệm kỳ 2020- 2025

DANH SÁCH

BỔ SUNG, KIẾN TOÀN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG NHIỆM KỲ 2020-2025

*(Kèm theo Tờ trình số: 48/TTr-LQĐ, ngày 17/10/2024
của Trường THPT Lê Quý Đôn)*

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Lê Chấn Thi	Bí thư Đảng bộ, Hiệu trưởng	
2	Bà Lê Thị Nữ	Phó Hiệu trưởng	
3	Ông Nguyễn Tấn Quang	Phó Hiệu trưởng	
4	Bà Phan Thị Thanh Bình	Chủ tịch Công đoàn	
5	Ông Phạm Thành Nghĩa	Bí thư Đoàn trường	
6	Bà Bùi Thị Đông	Tổ trưởng chuyên môn	
7	Ông Nguyễn Nhật Thi	Tổ trưởng chuyên môn	
8	Ông Phạm Hồng Vỹ	Tổ trưởng chuyên môn	
9	Bà Nguyễn Thị Bạch Yến	Tổ trưởng chuyên môn	
10	Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Tổ trưởng chuyên môn	
11	Bà Nguyễn Thị Mai	Tổ trưởng chuyên môn	
12	Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	
13	Mời: Ông Phạm Quang Sự	PCT Thường trực UBND huyện Bình Sơn	
14	Ông Nguyễn Văn Thanh	Trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh	
15	Đại diện học sinh	Học sinh	

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Quyết định số 652/QĐ-SDGDĐT ngày ngày 10 tháng 5 năm 2023 của của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục (Đồng chí Lê Chấn Thi – giữ chức vụ Hiệu trưởng nhiệm kỳ 5 năm, từ 15/5/2023-15/5/2028)

- Quyết định số 1373/QĐ-SDGDĐT ngày ngày 10 tháng 11 năm 2020 của của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục (Đồng chí Nguyễn Tấn Quang - giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng, nhiệm kỳ 5 năm, từ 20/11/2020-20/11/2025)

- Quyết định số 2155/QĐ-SDGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức quản lý. (Đồng chí Lê Thị Nữ - giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng, nhiệm kỳ 5 năm, từ 02/9/2024-02/9/2029)

- d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

1. Tổ chức bộ máy nhà trường

- Điều hành toàn bộ công việc và hoạt động của nhà trường. Quyết định mọi mặt về tổ chức và hoạt động của nhà trường;
- Phân công nhiệm vụ các Phó Hiệu trưởng. Bổ nhiệm, chỉ định Tổ trưởng, Tổ phó, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn...
- Thành lập các Hội đồng, các tổ chuyên môn, các bộ phận. Xây dựng quy chế hoạt động bộ máy nhà trường.

2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học

- Lập kế hoạch hàng năm, ấn định lịch công tác hàng tháng, hàng tuần. Phối hợp điều hòa các hoạt động giáo dục trong trường;
- Chỉ đạo thực hiện các hoạt động giáo dục của nhà trường theo đúng tinh thần nhiệm vụ năm học.

3. Quản lý nhân sự

- Quản lý giáo viên, nhân viên trong các hoạt động giáo dục và những hoạt động khác có liên quan. Ký hợp đồng tuyển dụng giáo viên, nhân viên làm việc với nhà trường. Ký đồng ý cho giáo viên được chuyển, nghỉ việc;
- Kiểm tra và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các Phó Hiệu trưởng và các giáo viên, nhân viên trong năm học. Đề nghị cấp trên khen thưởng và kỷ luật giáo viên, nhân viên;
- Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên;
- Tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; Quản lý giáo viên dạy thêm;
- Duyệt nghỉ phép, nghỉ việc riêng cho cán bộ giáo viên, nhân viên.

4. Quản lý và tổ chức giáo dục học sinh

- Thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với học sinh; Điều hành công tác tuyển sinh;
- Chỉ đạo các hoạt động giáo dục toàn diện cho học sinh; Quyết định khen thưởng, kỷ luật, ký giấy khen học sinh giỏi, học sinh tiên tiến và học sinh đạt thành tích thể dục thể thao.

5. Quản lý chuyên môn

- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch, kiểm tra nội bộ nhà trường;
- Tổ chức thi đua của giáo viên nhân viên và học sinh;
- Chỉ đạo và tổ chức các kỳ thi và công tác ra đề thi các kỳ thi nội bộ của nhà trường;
- Tổ chức thực hiện sổ điểm điện tử của nhà trường;

- Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý và giảng dạy;
- Chỉ đạo việc xây dựng và kiểm tra nội dung trang thông tin điện tử của trường;
- Dạy 2 tiết/tuần môn Giáo dục địa phương, Hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

6. Quản lý hành chính, tài chính, tài sản của nhà trường

- Quản lý chế độ sinh hoạt, hội họp của giáo viên, nhân viên và học sinh;
- Quản lý các loại kinh phí, các loại quỹ theo qui định;
- Xây dựng qui chế chi tiêu nội bộ; Chỉ đạo lập dự toán và quyết toán chi thu hàng năm;
- Quản lý việc tổ chức thực hiện các khoản thu, chi; kiểm tra ngăn chặn việc thu sai qui định của bộ phận, cá nhân trong nhà trường.

7. Tổ chức công tác giáo dục tư tưởng chính trị, công tác giữ gìn an ninh trật tự, tạo dựng môi trường sư phạm thân thiện.

- Chỉ đạo thực hiện việc Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Xây dựng đội ngũ Hội đồng sư phạm đoàn kết, tận tụy, có trách nhiệm;
- Chỉ đạo công tác pháp chế, hoạt động giữ gìn an ninh trật tự, PCCC trong nhà trường;
- Chỉ đạo thực hiện phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, "Mỗi thầy cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo"; đổi mới sáng tạo trong dạy và học...

8. Tiếp thu ý kiến chỉ đạo, phối hợp làm việc

- Kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Huyện ủy Bình Sơn;
 - Xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường với Sở Giáo dục, chính quyền địa phương, với các cơ quan ban ngành, đoàn thể trong thành phố. Tạo mối
 -
 -
- quan hệ gần bó, hợp tác giữa nhà trường với cha mẹ học sinh.

- Chủ động chỉ đạo và phối hợp công tác Đoàn thanh niên và phối hợp với Công đoàn;

9. Tổ chức các hội nghị giáo viên, nhân viên, hội nghị liên tịch định kỳ và bất thường để thực hiện chế độ quần chúng tham gia quản lý trường học.

- Đầu năm học tổ chức hội nghị giáo viên, nhân viên để báo cáo tình

hình mọi mặt của nhà trường và thu thập ý kiến đóng góp xây dựng nhà trường;

- Triệu tập và chủ trì họp giao ban để trao đổi và phối hợp công tác trong các phong trào thi đua toàn diện;

- Chủ trì cuộc họp Hội đồng trường, Hội đồng giáo dục hàng tháng, duyệt hạnh kiểm học sinh; triển khai kế hoạch, lấy ý kiến đóng góp, trao đổi biện pháp thực hiện kế hoạch, bàn bạc hướng giải quyết các sự việc;

- Chủ trì các cuộc họp Hội đồng thi đua, khen thưởng vào cuối học kỳ, cuối năm học, Hội đồng kỷ luật giáo viên, nhân viên, học sinh;

- + 01 Hội đồng trường với 15 thành viên.

- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.

- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.

- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).

- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 Đảng bộ và 3 chi bộ, có 47 đảng viên.

- + Tổ chức Công đoàn có 88 công đoàn viên.

- + Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 1.326 đoàn viên, thanh niên khối THPT với 33 chi đoàn thuộc Đoàn trường.

- + Ban đại diện CMHS có 07 thành viên.

- + Có 10 tổ chuyên môn và 01 tổ Văn phòng.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

- Trường THPT Bán công Bình Sơn được thành lập theo quyết định số:1193/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ngãi ngày 13 tháng 9 năm 1993.

- Ngày 01/08/2011, theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi, trường THPT bán công Lê Quý Đôn được chuyển sang hệ công lập và mang tên Trường THPT Lê Quý Đôn.

e) Họ và tên	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Lê Chấn Thi	Hiệu trưởng	0987913176	chanthivt@gmail.com
2	Nguyễn Tấn Quang	Phó Hiệu trưởng	0986800858	tanquanglqd@gmail.com
3	Lê Thị Nữ	Phó Hiệu trưởng	0843222736	nule.lequydon@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Chiến lược phát triển của trường THPT Lê Quý Đôn

Kế hoạch số 22a /KH-LQĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 về kế hoạch chiến lược phát triển trường THPT Lê Quý Đôn giai đoạn 2023-2035 và tầm nhìn đến năm 2030.

Quy chế dân chủ ở cơ sở của trường THPT Lê Quý Đôn

Quyết định số 85a/QĐ -LQĐ, ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT Lê Quý Đôn về Ban hành quy chế dân chủ cơ sở năm học 2024-2025 trường THPT Lê Quý Đôn (Đính kèm quyết định).

- Hội đồng trường THPT Lê Quý Đôn

Tờ trình số 42/TTr - LQĐ ngày 12/11/2020 của của trường THPT Lê Quý Đôn về việc thành lập Hội đồng Trường THPT Lê Quý Đôn, nhiệm kỳ 2020-2025.

Quyết định số 4170/QĐ - SGDDT ngày 31/12/2020 của Sở GDĐT Quảng Ngãi về việc công nhận Hội đồng Trường THPT Lê Quý Đôn, nhiệm kỳ 2020-2025.

Tờ trình số 45/TTr - LQĐ ngày 17/10/2024 của của trường THPT Lê Quý Đôn về việc đề nghị bổ sung, kiện toàn Hội đồng Trường THPT Lê Quý Đôn, nhiệm kỳ 2020-2025.

Quyết định số 3241/QĐ - SGDDT ngày 06/11/2024 của Sở GDĐT Quảng Ngãi về việc công nhận chủ tịch Hội đồng Trường THPT Lê Quý Đôn, nhiệm kỳ 2020-2025.

Quyết định số 2991/QĐ - SGDDT ngày 23/11/2024 của Sở GDĐT Quảng Ngãi về việc kiện toàn Hội đồng Trường THPT Lê Quý Đôn, nhiệm kỳ 2020-2025

ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

(File Excel đính kèm)

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	báo cáo 2024	Năm trước liền kề năm báo cáo 2023
----	-----------------	--------------	------------------------------------

1	Diện tích đất	12.778m ²	12.778m ²
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	9,55 m ²	9,55 m ²
3	Tỷ lệ giáo viên có chỗ làm việc riêng biệt	50%	50%
4	Số đầu sách	8.014	7.015
5	Số bản sách/người học	6/ người học	5/người học

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ giáo dục đào tạo

TT	Tên trường	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trường THPT Lê Quý Đôn	183/Trần Công Hiến, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	12.778m ²	12.778m ²

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trường THPT Lê Quý Đôn

Tên viết tắt: Trường không có tên viết tắt

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

+ Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ : 2

+ Mức độ đạt kiểm định: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ :

1

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

Khối	Đầu năm học		Cuối năm học		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỷ lệ %	Nguyên nhân			
10	12	502	12	482	10	2.2	Không muốn đi học, gia đình cho nghỉ			

11	12	452	12	443	9	2.0	Không muốn đi học, gia đình cho nghỉ			
12	10	421	12	421	0	0.00		0		
Tổng	34	1373	34	1326	19	4.2		0		

2. . Kết quả hoạt động chuyên môn

2.1 . Đối với học sinh

a. Về rèn luyện:

+ Tốt: 1134 (85,58%); Khá: 169 (12,75%); Đạt: 20 (1,51%); Chưa Đạt: không có.

b. Về học tập:

+ Tốt: 246 (18,57%); Khá: 519 (39,17%); Đạt: 497 (37,51%); Chưa Đạt: 62 (4,68%).

c. Kết quả các cuộc thi, hội thi

+ Có 03 học sinh đạt Học sinh giỏi cấp tỉnh: 01 học sinh đạt giải III môn Địa lý, 01 học sinh đạt giải KK môn Lịch sử và 01 học sinh đạt giải KK môn Ngữ văn.

+ Có 29 học sinh đạt danh hiệu Học sinh Xuất sắc; 216 học sinh đạt danh hiệu Học sinh Giỏi.

2.2. Đối với giáo viên

Danh hiệu	Số lượng	Ghi chú
Thư viện giỏi cấp Tỉnh (Giải nhất)	04	
Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường		Trường không tổ chức thi
Chiến sĩ thi đua cơ sở	12	

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH: (Có File đính kèm)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường đảm bảo sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bố trí đội ngũ giáo viên hiệu quả

Trong năm học vừa qua, Trường THPT Lê Quý Đôn đã xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục nhằm tối ưu hóa việc sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị dạy học. Nhà trường đã tiến hành kiểm tra, nâng cấp các phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện để đảm bảo điều kiện học tập tốt nhất cho học sinh. Cơ sở vật chất được bố trí khoa học, thuận tiện nhằm tạo môi trường học tập thân thiện, an toàn. Bên cạnh đó, việc phân bổ đội ngũ giáo viên cũng được xem xét kỹ lưỡng dựa trên năng lực chuyên môn và phù hợp với các môn học để nâng cao hiệu quả giảng dạy. Quản lý và sử dụng thiết bị dạy học cũng được chú trọng, đảm bảo các thiết bị được bảo trì, kiểm tra sửa chữa định kỳ, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức dạy học

Trường đã tích cực áp dụng đa dạng các phương pháp và hình thức dạy học hiện đại nhằm nâng cao kỹ năng và kiến thức cho học sinh. Các phương pháp như dạy học theo dự án, học nhóm, thảo luận, sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy đã được triển khai

rộng rãi. Giáo viên thường xuyên đổi mới phương pháp giảng dạy, tích cực giảng dạy trực tiếp kết hợp trực tuyến, khuyến khích học sinh chủ động tham gia, phát huy tính sáng tạo và tư duy phản biện. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp, câu lạc bộ, hội thi, giúp học sinh phát triển toàn diện các kỹ năng mềm và kỹ năng sống.

3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

Việc kiểm tra, đánh giá học sinh được thực hiện một cách khách quan, công bằng và toàn diện. Nhà trường đã áp dụng các hình thức kiểm tra như kiểm tra định kỳ, kiểm tra thường xuyên, dự án, bài tập về nhà, và đánh giá năng lực qua các hoạt động thực tiễn. Phương pháp đánh giá theo hướng phát triển năng lực giúp học sinh tự nhận thức rõ điểm mạnh, điểm yếu của bản thân để phấn đấu nâng cao hơn. Đồng thời, giáo viên cũng thường xuyên tổ chức nhận xét, góp ý xây dựng nhằm thúc đẩy quá trình học tập của học sinh.

4. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp

Nhà trường đã chú trọng công tác hướng nghiệp cho học sinh từ lớp 10, 11, 12. Các hoạt động tư vấn, hội thảo, ngày hội hướng nghiệp được tổ chức định kỳ, mời các chuyên gia, doanh nghiệp đến chia sẻ, giới thiệu các ngành nghề phù hợp với năng lực và sở thích của học sinh. Các lớp học kỹ năng, tư vấn về thị trường lao động cũng được đẩy mạnh nhằm giúp học sinh xác định rõ mục tiêu nghề nghiệp, trang bị kỹ năng cần thiết để hội nhập tốt sau khi ra trường. Nhờ đó, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp có định hướng rõ ràng, chuẩn bị tốt cho bước tiếp theo của hành trình học tập hoặc làm việc.

5. Tham gia tổ chức các kỳ thi, cuộc thi

Trường THPT Lê Quý Đôn tích cực tham gia các kỳ thi, cuộc thi cấp Tỉnh như kỳ thi học sinh giỏi, Olympic, thi tốt nghiệp, và các cuộc thi sáng tạo, khoa học kỹ thuật. Nhà trường đã chuẩn bị kỹ lưỡng về kiến thức, kỹ năng và tâm lý cho học sinh, tạo điều kiện tối đa để các em thể hiện năng lực. Kết quả các kỳ thi đã phản ánh rõ sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh, góp phần nâng cao uy tín và thành tích của nhà trường trong các hoạt động giáo dục.

Kết luận

Trong năm học vừa qua, Trường THPT Lê Quý Đôn đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công tác xây dựng kế hoạch giáo dục, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, nâng cao chất lượng hướng nghiệp và tham gia các kỳ thi. Những kết quả này góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chuẩn bị tốt hành trang cho học sinh bước vào cuộc sống và sự nghiệp tương lai. Nhà trường tiếp tục phấn đấu đổi mới, sáng tạo để ngày càng phát triển và trở thành địa chỉ tin cậy trong giáo dục của địa phương.

2. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh; việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh; biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

a. Công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh

Nhà trường thực hiện tốt công tác giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, tuyên truyền tuân thủ pháp luật, các chủ trương, chính sách pháp luật của đảng và nhà nước; thực hiện văn hóa ứng xử, văn hóa học đường. Xây dựng các câu lạc bộ tạo sân chơi

lành mạnh cho học sinh trong đó chú trọng đến công tác tổ chức, quản lý và nội dung hoạt động về giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống, xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, xây dựng các mô hình hoạt động mang tính truyền thống thông qua các hoạt động lễ hội, hội thảo, tập huấn, sinh hoạt dưới cờ, hội thi, sinh hoạt chuyên đề nhằm thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; giáo dục đạo đức, lối sống, xây dựng văn hóa học đường, góp phần thực hiện thành công chương trình giáo dục phổ thông 2018.

b. Việc xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, vệ sinh

Nhà trường triển khai thực hiện xây dựng nhà trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng, các tổ chức đoàn thể trong việc triển khai thực hiện chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống các tệ nạn xã hội, phòng chống bạo lực học đường, có biện pháp phát hiện và ngăn chặn kịp thời những tác hại tiêu cực trong việc sử dụng Internet, game mạng có nội dung xấu và không lành mạnh trong học sinh.

Biện pháp khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm, thu sai quy định

Triển khai thực hiện nghiêm Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT, ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm.

Hiện tại, nhà trường chưa có trường hợp vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm, thu sai quy định.

7. Phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục

Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giáo viên tham gia các lớp học nâng cao trình độ lý luận chính trị, các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, bồi dưỡng cập nhật kiến thức cho cán bộ lãnh đạo quản lý, giáo viên.

Phối hợp công đoàn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên theo đúng quy định.

8. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn có cơ sở vật chất và trang thiết bị đảm bảo tốt cho mọi hoạt động giáo dục của nhà trường. Cán bộ quản lý nhà trường thường xuyên quan tâm chỉ đạo chăm sóc, tu bổ, đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp và an toàn.

9. Thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

Nhà trường đã xây dựng được Chiến lược phát triển làm cơ sở định hướng cho các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục phù hợp với từng năm học.

Hiệu trưởng thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ, kịp thời đúng quy định.

Nhà trường có nhiều biện pháp phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

10. Tăng cường công tác truyền thông giáo dục

Bảo đảm hệ thống thông tin chỉ đạo điều hành, trao đổi thông tin thông suốt kịp thời trong nội bộ nhà trường và từ trường đến Sở Giáo dục và Đào tạo, tăng cường việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa trường với Sở Giáo dục và Đào tạo qua đường truyền Internet.

Thực hiện tốt công tác thông tin, phối hợp nhanh giữa nhà trường và gia đình học sinh thông qua các kênh zalo, Website, Facebook của trường, SMS, mail, gọi điện thoại, trao đổi trực tiếp tại trường.

Trên đây là Báo cáo thường niên của Trường THPT Lê Quý Đôn.

Nơi nhận:

- Sở GDĐT (Phòng QLCL);
- Website trường;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

[Signature]
Lê Chấn Thi

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

ĐV tính: đồng

Số TT	NỘI DUNG	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
I	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP	18,606,305,000	14,623,559,058	
1	Kinh phí thường xuyên (13)	17,304,000,000	13,774,709,058	
	<i>Kinh phí tự chủ</i>	<i>15,835,000,000</i>	<i>13,474,709,058</i>	
	<i>Kinh phí cải cách tiền lương</i>	<i>1,469,000,000</i>	<i>300,000,000</i>	
2	Kinh phí không thường xuyên (12)	807,305,000	848,850,000	
	<i>Cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập</i>	<i>57,305,000</i>	<i>88,000,000</i>	
	<i>Học bổng học sinh khuyết tật (TTLT42)</i>	<i>7,200,000</i>	<i>12,000,000</i>	
	<i>PC giáo viên dạy học sinh khuyết tật</i>	<i>142,800,000</i>	<i>100,000,000</i>	
	<i>Sửa chữa</i>	<i>600,000,000</i>	<i>648,850,000</i>	
3	Kinh phí tiền thưởng theo ND 73/2024/ND-CP (18)	495,000,000	-	
	<i>Tiền thưởng</i>	<i>495,000,000</i>	<i>-</i>	
II	TỔNG CHI NSNN	18,296,170,631	14,571,162,406	
1	Kinh phí thường xuyên (12)	17,195,000,000	13,774,709,058	
6000	Tiền lương	8,336,385,379	6,252,867,092	
6001	Lương theo ngạch, bậc	8,336,385,379	6,252,867,092	
6100	Phụ cấp lương	4,485,019,692	3,252,820,649	
6101	Phụ cấp chức vụ	137,133,000	106,678,360	
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	194,813,572	162,141,271	
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	3,420,000	-	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	2,534,589,677	1,863,089,282	
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	35,652,000	22,200,000	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	1,579,411,443	1,098,711,736	
6149	Phụ cấp khác			
6150	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	-	-	
6199	Các khoản hỗ trợ khác			
6200	Tiền thưởng	80,262,000	46,190,000	
6201	Thưởng thường xuyên	80,262,000	46,190,000	
6250	Phúc lợi tập thể	18,895,000	25,091,110	
6299	Chi khác	18,895,000	25,091,110	
6300	Các khoản đóng góp	2,423,878,395	1,719,180,051	
6301	Bảo hiểm xã hội	1,805,492,695	1,280,351,305	



Số TT	NỘI DUNG	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3
6302	Bảo hiểm y tế	309,447,606	219,399,836	
6303	Kinh phí công đoàn	205,788,891	146,295,633	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	103,149,203	73,133,277	
6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	254,661,692	427,726,979	
6404	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán, tự chủ	182,931,692	372,455,179	
6449	Chi khác	71,730,000	55,271,800	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	122,115,123	133,854,672	
6501	Tiền điện	114,339,123	126,006,672	
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	7,776,000	7,848,000	
6550	Vật tư văn phòng	34,394,000	185,611,420	
6551	Văn phòng phẩm	6,959,000	27,424,100	
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	15,840,000	141,813,320	
6599	Vật tư văn phòng khác	11,595,000	16,374,000	
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	18,451,156	16,932,690	
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	1,337,556	2,177,390	
6603	Cước phí bưu chính			
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	3,768,000	3,768,000	
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	11,197,600	10,987,300	
6649	Khác	2,148,000		
6650	Hội nghị	5,000,000	11,400,000	
6652	Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên	-	11,400,000	
6657	Các khoản thuê mướn khác	5,000,000	0	
6700	Công tác phí	269,436,908	268,666,000	
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	48,486,908	54,746,000	
6702	Phụ cấp công tác phí	113,150,000	107,050,000	
6703	Tiền thuê phòng ngủ	107,800,000	94,870,000	
6704	Khoản công tác phí	-	12,000,000	
6750	Chi phí thuê mướn	94,250,000	131,600,000	
6751	Thuê phương tiện vận chuyển	17,000,000	12,100,000	
6754	Thuê thiết bị các loại	2,000,000	17,000,000	
6757	Thuê lao động trong nước	75,250,000	73,550,000	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	-	-	
6759	Chi phí thuê mướn khác	-	28,950,000	
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	266,208,000	281,992,219	
6907	Nhà cửa	159,931,000	164,199,127	
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	37,480,000	35,950,500	
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	6,908,000	900,000	

Số TT	NỘI DUNG	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3
6921	Đường điện, cấp thoát nước		16,078,520	
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	61,889,000	64,864,072	
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	103,100,000	80,897,000	
6955	Tài sản và thiết bị văn phòng		14,000,000	
6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	103,100,000	66,897,000	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	628,958,746	561,500,120	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	191,026,846	187,017,000	
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	23,500,000	19,750,000	
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	8,420,000	22,660,000	
7049	Chi khác	406,011,900	332,073,120	
7050	Mua sắm tài sản vô hình	-	6,000,000	
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		6,000,000	
7750	Chi khác	18,613,909	43,655,000	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	676,909		
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện		15,015,000	
7761	Chi tiếp khách	17,937,000	18,700,000	
7799	Chi các khoản khác		9,940,000	
7850	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	35,370,000	23,988,000	
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	35,370,000	23,988,000	
7950	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	-	304,736,056	
7951	Chi lập Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	-	304,736,056	
	Chi lập Quỹ phúc lợi	-	-	
	Chi lập Quỹ khen thưởng	-	-	
	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	-	-	
2	Kinh phí không thường xuyên (12)	606,170,634	796,453,348	
6100	Phụ cấp lương	128,439,634	81,965,548	
6149	Phụ cấp khác	128,439,634	81,965,548	
6510	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	37,050,000	41,120,000	
6151	Học bổng học sinh, sinh viên học trong nước (không bao gồm học sinh dân tộc nội trú)	7,200,000	11,720,000	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	29,850,000	29,400,000	
	Các khoản hỗ trợ khác			
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	413,226,000	645,027,800	
6907	Nhà cửa	413,226,000	645,027,800	

Số TT	NỘI DUNG	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3
7050	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	-	-	
	Tài sản và thiết bị khác	-	-	
7750	Chi khác	27,455,000	28,340,000	
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	27,455,000	28,340,000	
3	Kinh phí tiền thưởng theo ND 73/2024/NĐ-CP (18)	494,999,997	-	
6200	Tiền thưởng	494,999,997		
6201	Thưởng thường xuyên	494,999,997		
B	NGUỒN THU			
I	Thu sự nghiệp, dịch vụ	1,150,058,000	1,100,908,000	
1	Thu học phí	1,003,257,500	1,074,385,000	
2	Thu căn tin	146,800,500	-	
3	Lệ phí thi TN nghề PT	-	26,523,000	
II	TỔNG CHI TỪ NGUỒN THU	1,350,111,180	1,196,175,020	
I	Chi từ nguồn học phí	1,266,717,130	1,169,652,020	
6000	Tiền lương, phụ cấp lương	466,533,600	428,832,554	
6001	Tiền lương theo ngạch bậc	466,533,600	428,832,554	
6050	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	176,778,600	218,400,000	
6051	Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	176,778,600	218,400,000	
6100	Phụ cấp lương	126,937,207	227,497,539	
6101	Phụ cấp chức vụ	3,024,000	7,143,640	
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	32,631,525	-	
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	108,000	-	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	55,969,294	123,946,408	
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	648,000	21,734,060	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	34,556,388	74,673,431	
6250	Phúc lợi tập thể	4,795,200	3,021,792	
6299	Chi khác	4,795,200	3,021,792	
6300	Các khoản đóng góp	95,906,781	212,654,340	
6301	Bảo hiểm xã hội	71,419,942	162,318,995	
6302	Bảo hiểm y tế	12,243,420	25,167,670	
6303	Kinh phí công đoàn	8,162,279	16,778,450	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	4,081,140	8,389,225	
6400	Thanh toán dịch vụ công cộng	-	-	
6404	Tiền điện			
6449	Vệ sinh môi trường			

Số TT	NỘI DUNG	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3
6550	Vật tư văn phòng	63,250,728	-	
6551	Văn phòng phẩm	18,313,728		
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	31,492,000		
6599	Vật tư văn phòng khác	13,445,000		
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	662,475	-	
6601	Cước phí bưu chính			
6605	Internet, ruyền hình cáp	662,475		
6650	Hội nghị	7,800,000	-	
6652	Bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên	7,800,000		
7600	Công tác phí	16,580,000	-	
6701	Tiền vé máy bay, tàu, xe	1,330,000		
6702	Phụ cấp công tác phí	2,050,000		
6703	Tiền thuê phòng nghỉ	1,200,000		
6704	Khoản công tác phí	12,000,000		
6750	Chi phí thuê mướn	61,870,000	32,630,000	
6751	Thuê phương tiện vận chuyển	1,500,000		
6754	Thuê thiết bị các loại	5,500,000	7,000,000	
6757	Thuê lao động trong nước	50,900,000	9,300,000	
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	3,970,000	16,330,000	
6799	Chi phí thuê mướn khác			
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	140,817,620	42,886,970	
6907	Nhà cửa	72,292,520	41,335,370	
6912	Các thiết bị công nghệ thông tin	4,200,000		
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng			
6921	Đường điện, cấp thoát nước	55,025,100	1,551,600	
6949	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác	9,300,000		
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	23,400,000	-	
6956	Các thiết bị công nghệ thông tin	23,400,000		
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	61,999,700	-	
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư	10,898,300		
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động			
7012	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành			
7049	Chi khác	51,101,400		
7050	Mua sắm tài sản vô hình	-	220,825	
7053	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		220,825	
7750	Chi khác	18,575,219	2,020,000	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	514,219		
7757	Chi bảo hiểm tài sản và phương tiện	14,861,000		
7761	Chi tiếp khách		1,800,000	

TẠC
ĐƠN
HPT
JYI

Số TT	NỘI DUNG	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3
7799	Chi các khoản khác	3,200,000	220,000	
7850	Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp	810,000	1,488,000	
7854	Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	810,000	1,488,000	
2	Chi từ nguồn thu cãntin	83,394,050	-	
	Nộp thuế	14,680,050	-	
	Nộp thuế GTGT	7,340,025	-	
	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	7,340,025	-	
6900	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	45,512,000	-	
6907	Nhà cửa	45,512,000	-	
7750	Chi khác	23,202,000	-	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	23,202,000	-	
3	Chi từ nguồn thu phí lệ phí (lệ phí thi TN nghề PT)	-	26,523,000	
7000	CP nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	-	26,523,000	
7049	Chi khác	-	26,523,000	
C	THU HỘ , CHI HỘ			
I	Thu hộ	219,521,300	695,796,416	
1	NS tỉnh (tiền gửi)	104,091,000	111,344,000	
2	NS huyện hỗ trợ	25,000,000	525,000,000	
3	KP chăm sóc sức khỏe ban đầu	55,347,300	53,836,416	
4	Nước uống học sinh	27,955,000	-	
5	Giấy thi giấy nháp	7,128,000	5,616,000	
II	Chi hộ	182,805,000	693,099,720	
1	NS tỉnh (tiền gửi)	104,091,000	111,344,000	
2	NS huyện hỗ trợ	25,000,000	525,000,000	
3	KP chăm sóc sức khỏe ban đầu	23,060,000	21,340,000	
4	Nước uống học sinh	22,455,000	29,831,720	
5	Giấy thi giấy nháp	8,199,000	5,584,000	
D	QUỸ CƠ QUAN			
I	THU	6,048,067	304,736,056	
1	Quỹ khen thưởng	3,050,545	-	
2	Quỹ phúc lợi	-	-	
3	Quỹ phát triển	-	-	
5	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	2,997,522	304,736,056	

Số TT	NỘI DUNG	Năm báo cáo (2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3
II	CHI	674,353,746	187,644,400	
1	Quỹ khen thưởng	38,800,000	15,400,000	
2	Quỹ phúc lợi	557,849	38,384,400	
3	Quỹ phát triển	-	133,860,000	
5	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	634,995,897	-	
E	NGUỒN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	1,895,665,580	1,110,774,000	
I	Ngân sách	1,469,000,000	300,000,000	
1	Nguồn CCTL	1,469,000,000	300,000,000	
II	Nguồn thu trích CCTL	426,665,580	810,774,000	
1	Học phí	401,303,000	810,774,000	
2	Căn tin	25,362,580	-	



BÁO CÁO SƠ YẾU LÝ LỊCH
 Đơn vị: Trường THPT Lê Quý Dũn
 Đến ngày: 11/11/2025

TT	Mã nhân viên	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Chức danh	Chức vụ	Quốc gia	Tình trạng hôn nhân	Dân tộc	Tôn giáo	Đang viên	Nơi đăng ký HKTT			Theo dõi CCCD			Ngày vào cơ quan hiện đang công tác	Ngày chính thức vào cơ quan hiện đang công tác	Trình độ			Hình thức đào tạo
												Tỉnh/TP	Xã/Phường	Địa chỉ	Số CCCD	Ngày cấp CCCD	Nơi cấp CCCD			Trình độ văn hóa	Bằng cấp	Chuyên ngành	Trường tốt nghiệp
1	T35-V 07 05 14-13096	NGUYỄN TẤN QUANG	10/04/1972	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	Phó Hiệu trưởng trường THPT thuộc Sở, ngành	21472-Xã Phò Cường, Xã Khánh Cường, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn			051072009897	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/09/1995	01/09/1995	Đại học	Hóa học		Trường Đại Học Quy Nhơn
2	T35-V 07 05 14-15588	THI LÊ CHÂN	03/01/1972	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	Hiệu trưởng trường THPT thuộc Sở, ngành	Xã Đông Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Đông Sơn			051072017302	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	05/08/2018	05/08/2018	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam		Trường Đại Học Quy Nhơn
3	T35-V 07 05 15-13341	LÊ THI NỮ	20/10/1974	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	Phó Hiệu trưởng trường THPT thuộc Sở, ngành	21052-Xã Bình Chánh, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Thôn Nam bình, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi		051174009233	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/09/1997	01/09/1997	Đại học	Sư phạm Sinh học		Trường Đại Học Quy Nhơn
4	T35-V 07 05 14-15272	PHAM THI MAI HUE	20/04/1976	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	Tổ trưởng chuyên môn	21046-Xã Bình Thạnh, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	361/44 Phạm Văn Đồng, Thị trấn Châu Ổ, Bình Sơn		040176011726	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/09/1998	01/09/1998	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh		Đại Học Đà Nẵng- Trường Đại Học Ngoại Ngữ
5	T35-V 07 05 14-15277	BUI THI ĐÔNG	25/11/1978	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	Tổ trưởng chuyên môn	Thôn Chi Nguyên- Xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Thôn Châu Tú, xã Bình Sơn, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi		051178007429	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	19/09/2000	19/09/2000	Thạc sĩ	Công nghệ hoa hữu cơ		Đại Học Huế - Trường Đại Học Khoa Học
6	T35-V 07 05 14-15650	NGUYỄN THI MAI	10/02/1977	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	Tổ trưởng chuyên môn	Thôn1 Phước Thiện, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	75 Trần Thị Khai, thôn 6, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi		051177018064	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	19/10/2001	19/10/2001	Đại học	Lịch sử		Trường Đại Học Quy Nhơn
7	T35-V 07 05 14-27750	NGUYỄN THI PHUỐC KIEU	26/10/1982	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	Tổ trưởng chuyên môn	21052-Xã Bình Chánh, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Xóm Bàu Chuộc, Bình Chánh, Bình Sơn, QN		051182015059	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	15/08/2011	15/08/2011	Đại học	Sư phạm Địa lý		Trường Đại Học Quy Nhơn
8	T35-V 07 05 14-27783	NGUYỄN THI BACH YẾN	12/12/1982	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	Tổ trưởng chuyên môn	21043-Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Vạn Tường			051182009409	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	15/08/2008	15/08/2008	Đại học	Di truyền học		Trường Đại Học Quy Nhơn
9	T35-V 07 05 14-32974	PHAM HONG VỸ	20/09/1979	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	Tổ trưởng chuyên môn	21052-Xã Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Thôn Quang Trung, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi		051079010918	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/12/2011	01/12/2011	Đại học	Sư phạm Tin học		Trường Đại học Sư phạm Huế
10	T35-V 07 05 15-04406	PHAM VĂN HIỆP	20/08/1967	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	Tổ trưởng chuyên môn	21100-Xã Bình Chương, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn			051067014863	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	09/09/1994	09/09/1994	Đại học	Sư phạm Toán học		Trường Đại Học Quy Nhơn
11	T35-V 07 05 15-13343	NGUYỄN VĂN QUÝ	02/12/1969	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	Tổ trưởng chuyên môn	21085-Xã Bình Minh, Tỉnh Minh, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	64 Trần Thị Khai		051069002494	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	23/08/1997	27/08/1997	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh		Đại Học Huế - Trường Đại Học Sư Phạm
12	T35-V 07 05 15-13344	VÕ ĐỨC THAI	02/12/1974	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	Tổ trưởng chuyên môn	21085-Xã Bình Minh, Tỉnh Minh, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn			051074011277	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	02/12/1998	02/12/1998	Đại học	Thế dục thể thao		Đại học TĐTT Từ Sơn



13	T35- V 07/05 15- 13347	NGUYỄN VĂN HẢI	20/02/1973	52	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	Tổ trưởng chuyên môn	Thôn Tân Hy 2, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	69 Tân Thi Khai, Thôn 6, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	05/10/73 01/201	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	03/09/1996	03/09/1996	12/12	Đại học	Sư phạm Toàn học	Trường Đại Học Quy Nhơn	Chính quy
14	T35- V 07/05 15- 15276	NGUYỄN NHẬT THỊ	15/01/1978	47	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	Tổ trưởng chuyên môn	70/2 Tê Hanh - Bình Sơn - Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	70/2 TÊ HANH 0	05/10/78 01/487	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	05/09/1999	05/09/1999	12/12	Đại học	Vai lý & kỹ thuật	Trường Đại học sư phạm Quy Nhơn	Chính quy
15	T35- V 07/05 15- 30012	NGUYỄN THỊ HOA	19/07/1978	47	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	Tổ trưởng chuyên môn	Xã Bình Minh Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	thôn 5	05/11/78 00/716	10/05/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	19/09/2000	19/09/2000	12/12	Đại học	Sư phạm Ngũ văn	Trường Đại học Quy Nhơn	Chính quy
16	T35- V 07/05 14- 30013	PHẠM NGỌC THỊO	18/03/1981	44	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	Tổ phó chuyên môn	Xóm Hải Yên - Thôn Thanh Thủy - Xã Vạn Tường - Tỉnh Quảng Ngãi, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Vạn Tường	Xóm Hải Yên - Thôn Thanh Thủy - Xã Vạn Tường - Tỉnh Quảng Ngãi	05/10/81 00/718	09/05/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/08/2006	01/08/2006	12/12	Đại học	Giáo dục ĐH thể dục thể thao I	Trường ĐH thể dục thể thao I	Tại Chức
17	T35- V 07/05 15- 15272	NGUYỄN THỊ HUIE	10/04/1978	47	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	Tổ phó chuyên môn	2/1082 Xã Bình Trung, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	2/13 Tê Hanh - Thôn 6 - xã Bình Sơn - tỉnh Quảng Ngãi	05/11/78 01/536	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	04/08/2011		12/12	Đại học	Sư phạm Vai lý	Trường Đại Học Quy Nhơn	Chính quy
18	T35- V 07/05 15- 15274	PHẠM MINH THANH	22/02/1977	48	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	Tổ phó chuyên môn	Làng Bung, Xã Phụng Xã, Xã Hồng Sơn, Xã Thanh phố Hà Nội	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Bình Sơn - 12 Phan Diệt	05/10/77 00/601	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/09/1999	01/09/1999	12/12	Đại học	Sư phạm Ngũ văn	Đại Học Sư Phạm Quy Nhơn	Chính quy
19	T35- V 07/05 15- 15283	HÀ TRUNG C A	30/12/1977	47	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng III	Tổ phó chuyên môn	2/1046-Xã Bình Thạnh, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Bình Sơn - Quảng Ngãi	05/10/77 00/984	17/04/2023	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	30/08/1999	30/08/1999	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học	Trường ĐHSP Quy Nhơn	Chính quy
20	05/10680 14/751	ĐỖ VĂN LONG	01/10/1968	57	Nam	Nhân viên bảo vệ		Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Độc thần	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn		05/10680 14/75	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/01/2023	01/01/2023	12/12	Chưa xác định	THPT Bình Sơn	Bỏ học văn hóa	
21	05/10680 20223	PHẠM DINH	06/05/1968	57	Nam	Nhân viên		Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Chưa xác định		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn		05/10680 2022	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/01/2023	01/01/2023	12/12	Chưa xác định	THPT Bình Sơn	Bỏ đường	
22	05/11720 15234	HỒ THỊ HIEU	12/11/1972	52	Nữ	Nhân viên		Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn		05/11720 1523	25/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/01/2025	01/01/2025	12/12	Chưa xác định	THPT Bình Sơn	Bỏ đường	
23	T35- 02-008- 32970	PHẠM THỊ THUY	02/08/1979	46	Nữ	Văn thư		Bình - xã Bình Sơn - Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Vạn Tường	thôn 4 - xã Vạn Tường - Quảng Ngãi	05/11/79 01/210	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/01/2003	01/07/2021	12/12	Đại học	Hành chính văn phòng	Trường Đại Học Quy Nhơn	Vừa học vừa làm
24	T35- 06-031- 41730	NGUYỄN THỊ VĂN	01/05/1976	49	Nữ	Kế toán viên	Tổ phó, phó tướng bộ môn về tương đương	2/1055-Xã Bình Nguyễn, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Đông Sơn	Thôn Thanh Hải 2	05/11/76 01/399	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	05/05/2017	05/05/2017	12/12	Đại học	Kế toán	Đại học Kinh tế - Đa Năng	Tại Chức
25	T35- 06-035- 15386	NGUYỄN THỊ XUÂN	06/03/1971	54	Nữ	Thủ quỹ cơ quan, đơn vị	Tổ trưởng Tổ Văn phòng	Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn		00/11/71 02/969	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/09/1993	13/09/1993	12/12	Đại học	Quản trị kinh doanh	Viên Đại Học Hồ Hà Nội	Đào lao từ xa
26	T35- V 07/05 14- 13346	NGUYỄN THỊ THUY	28/02/1975	50	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II		2/1223-Xã Tĩnh An Tây, Phường Trương Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Phường Trương Quảng Trọng		05/11/75 01/064	16/11/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/09/1997	01/09/1997	12/12	Đại học	Toàn học	Trường Đại học sư phạm Quy Nhơn	Chính quy

27	T35- V 07 05 14- 13347	HỒ THI KIỆU VINH	09/04/1974	51	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II		thôn Long Xuân, Xã Bình Sơn, Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Đội 4, thôn Long Xuân, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	05117401249 6	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	26/10/2007	01/11/2008	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Trường Đại học Sư phạm Huế	Chỉnh quy
28	T35- V 07 05 14- 15278	PHAN THI QUỲ THẢO	06/01/1973	52	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II		149 Nguyễn Tư Tấn - TDP 5 - Thị trấn Châu Ô, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	48 Tế Hinh, thôn 6, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	05117301415 4	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	19/09/2000	19/09/2000	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Trường Đại học Quy Nhơn	Chỉnh quy
29	T35- V 07 05 14- 15305	LÊ THI CẨM TRÚC	26/08/1984	41	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II		Xóm 7 thôn Phước Thiện 1, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi	Ly hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	51 Trần Thị Khải, thôn 6	05118400291 5	22/04/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	26/10/2007	01/11/2008	12/12	Đại học	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp	Trường Đại học Quy Nhơn	Chỉnh quy
30	T35- V 07 05 14- 15617	TRẦN THI XUÂN	30/06/1979	46	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II		21070-Xã Bình Dương, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	70/7, đường Tế Hinh, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	05117901143 4	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/09/2012	01/09/2012	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học	Trường DHSP Quy Nhơn	Chỉnh quy
31	T35- V 07 05 14- 28494	NGUYỄN THI LÊ	15/09/1982	43	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II		xã Phước Giang, tỉnh Quảng Ngãi, Xã Phước Giang, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	70/7, đường Tế Hinh, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	05118200915 9	20/08/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/09/2012	01/09/2012	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học	Trường Đại học Chí Minh	Chỉnh quy
32	T35- V 07 05 14- 29953	HỒ THI HỒNG THUƠNG	07/11/1984	41	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II		21082-Xã Bình Trung, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	KDC Vưom Quang, Bình Trung, Bình Sơn, Quảng Ngãi	05118401102 1	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	29/07/2011	29/07/2011	12/12	Đại học	Sinh học	Trường Đại học Sư phạm Huế	Chỉnh quy
33	T35- V 07 05 14- 30006	PHAN THI THANH	16/10/1985	40	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	Chu tnh công đoan cơ sở	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	55 Phạm Văn Đông	05218501302 9	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/11/2007	01/11/2007	12/12	Thạc sĩ	Khoa học mây tình	Đại học Đà Nẵng - Trường Đại học Bách Khoa	Chỉnh quy
34	T35- V 07 05 14- 30098	BÙI THI HÂN	01/02/1985	40	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II		Xóm 3, thôn Phu Lễ 2, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Tổ 3, xóm Chi Trung, thôn Phu Lễ 2	05118500934 5	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/09/2010	01/09/2010	12/12	Thạc sĩ		Đại học Đà Học Khoa Học	Chỉnh quy
35	T35- V 07 05 14- 32430	ĐINH THI THU HÀ	22/03/1983	42	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II		Thôn Phu Lễ 1, Xã Bình Trung, Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Đông Sơn	Thôn Liên Trì, Xã Bình Hiệp, Bình Sơn, Quảng Ngãi	05118301074 3	04/03/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/01/2009	01/01/2009	12/12	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	Đại học Huế - Trường Đại học Sư Phạm	Chỉnh quy
36	T35- V 07 05 14- 32430	BÙI THI HOÀNH	05/03/1982	43	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II		21052-Xã Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Phước Cầm Thanh		05118201618 1	17/12/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	24/08/2009	24/08/2009	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học	Đại học Đà Nẵng - Trường Đại học Sư Phạm	Chỉnh quy
37	T35- V 07 05 14- 32432	ĐẶNG THI HOANG	02/09/1984	41	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II		Thôn Đông Bình, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Thôn Đông Bình, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	05118401227 6	02/08/2024	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/01/2009	01/01/2010	12/12	Đại học	Vật lý kỹ thuật	Trường Đại học Sư phạm Huế	Chỉnh quy
38	T35- V 07 05 14- 32683	CHÀU THI THANH	08/12/1982	42	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II		Thôn Liên Trì, Xã Đông Sơn, Quảng Ngãi, Xã Đông Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Đông Sơn	đội 9, thôn liên trì, xã Đông sơn, quảng ngãi	05118201412 3	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/11/2009	01/11/2009	12/12	Đại học	Sinh học	Trường Đại học Quy Nhơn	Tại Chức

39	T35- V 07/05 14- 32834	NGUYỄN DUY KHANH	12/05/1987	38	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	21061-Xã Bình Trị, Xã Vạn Tương, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Vạn Tương		05/108700558	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/07/2012	01/07/2012	12/12	Dai học	Giáo dục Thế chất	Trưởng Đại học Sư phạm Đà Nẵng	Chức quy
40	T35- V 07/05 14- 32955	TRẦN THỊ NHƯ HOA	29/10/1984	41	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	Thôn Phú Lễ 1, Bình Sơn, Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Thôn Phú Lễ 1, Bình Sơn, QN	05/118400552	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	13/01/2010	13/01/2010	12/12	Dai học	Sinh học	Trưởng Đại học Quy Nhơn	Chuyên tu
41	T35- V 07/05 14- 32956	VÕ THỊ THUY HANG	21/02/1983	42	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	Tổ 4, thôn Phú Lễ II, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Tổ 4, thôn Phú Lễ II, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	05/118301584	23/03/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/07/2012	01/07/2012	12/12	Dai học	Sư phạm Sinh học	Đại Học Huế - Trưởng Đại học Sư Phạm	Đạo tạo từ xa
42	T35- V 07/05 14- 32957	LÊ THỊ HANH	24/01/1984	41	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	1.5883 - Thôn Phú Trung - Xã Hồng Phú - Hồng Hóa - Thanh Hóa, Xã Hoàng Phú, Thôn Thanh Hóa	Lý hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Tổ dân phố 3 - Thị trấn Châu Đài - Bình Sơn - Quảng Ngãi	028.8405163	25/11/2024	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	30/06/2011	30/06/2011	12/12	Dai học	Liệt sử Việt Nam	Trưởng Đại học Quy Nhơn	Chức quy
43	T35- V 07/05 14- 32964	NGUYỄN NGỌC CHUONG	19/02/1986	39	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	Thôn An Lộc Bắc - Xã Vạn Tương - Tỉnh Quảng Ngãi, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Vạn Tương	Thôn An Lộc Bắc - Xã Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	05/108601346	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/07/2011	01/07/2012	12/12	Thạc sĩ	Tòa án tịch	Trưởng Đại học Quy Nhơn	Chức quy
44	T35- V 07/05 14- 32965	NGUYỄN THỊ TRÂM BÍCH	21/02/1981	44	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	KHU PHỐ ĐÈ DƯC 2 PHUONG HOAI NHON NAM TINH GIÁ LAI, Phường Hoài Nhon Nam, Tỉnh Gia Lai	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	2.15 TẾ HANH THON 6, XÃ BINH SON, TỈNH QUẢNG NGAI	05218100645	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	03/12/2010	03/12/2010	12/12	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam	Trưởng Đại học Quy Nhơn	Chức quy
45	T35- V 07/05 14- 32966	TRẦN THỊ HANG THÚ	25/10/1987	38	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	21184-Xã Tỉnh Hệp, Xã Ba Giá, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	406/30 Phạm Vân Đông, thôn 4, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	05/118701426	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	02/08/2012	01/08/2013	12/12	Dai học	Sư phạm Ngữ văn	Trưởng Đại học Quy Nhơn	Vua học vừa làm
46	T35- V 07/05 14- 32968	NGUYỄN THỊ NGÀ	04/05/1988	37	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	ĐOỊ T1, THON BINH NAM, Xã Sơn Tinh, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Mính	xóm THANH MỸ, THON MỸ LONG	05/118801785	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/07/2012	01/07/2012	12/12	Dai học	Sư phạm Ngữ văn	Trưởng Đại học Quy Nhơn	Chức quy
47	T35- V 07/05 14- 32972	LÊ THỊ KIM PHUONG	07/04/1984	41	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	21040-Xã Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Đội 4 thôn Trung An xã Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi	05/118401843	03/04/2024	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	09/05/2011	09/05/2011	12/12	Dai học	Sư phạm Lịch sử	Trưởng Đại Học Sư Phạm Thành phố Hồ Chí Minh	Chức quy
48	T35- V 07/05 14- 32975	DINH THỊ HOANG YẾN	21/11/1984	40	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	21253 - Xã An Phu, Xã An Phu, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Thôn 2, xã Bình Sơn - Tỉnh Quảng Ngãi	05/118401129	17/06/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/08/2012	01/08/2012	12/12	Dai học	Sư phạm Địa lý	Trưởng Đại Học Quy Nhơn	Chuyên tu
49	T35- V 07/05 14- 41663	BÙI THỊ ANH ĐÀO	23/07/1989	36	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	Thôn La Thiệp, Xã Thu Bồn, Xã Thu Bồn, Thành phố Đà Nẵng	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Thọ Phong	Xóm 2, thôn Thế Long	04918900176	20/04/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	08/04/2013		12/12	Thạc sĩ	Phường pháp toán sơ cấp	Trưởng ĐH, 02 Trưởng CĐ, 01 Phan Hiếu, 01 Khóa	Chức quy
50	T35- V 07/05 14- 41732	NGUYỄN THỊ BẢO NHƯ	20/10/1987	38	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng II	21106-Xã Bình Mĩ, Xã Bình Chương, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	68 Phạm Văn Đông, xã Bình Đông, tỉnh Quảng Ngãi	05/118701150	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	03/12/2010	03/12/2010	12/12	Dai học	Sư phạm Toán học	Trưởng Đại Học Quy Nhơn	Chức quy

51	T35- V 07 05 15- 04411	NGUYỄN THỊ ANH	THU	24/12/1972	52	Nữ	Giao viên trung học phổ thông hàng III	Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Dương Lê Thị Hạnh, thôn 5, xã Bình Sơn	051077006100	18/08/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/01/1911	12/12	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Đại học Huế - Trường Đại học Sư Phạm	Tại Chư
52	T35- V 07 05 15- 07579	ĐÀO NGỌC SÚY	SÚY	30/12/1968	56	Nam	Giao viên trung học phổ thông hàng III	21100-Xã Bình Chương, Xã Bình Chương, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Chương		051068021499	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	28/07/1999	12/12	Đại học	Sư phạm Toán học	Đại học Sư Phạm Quy Nhơn	Chính quy
53	T35- V 07 05 15- 13339	HUYỀN ĐỨC HAI	HAI	06/12/1989	35	Nam	Giao viên trung học phổ thông hàng III	Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Vạn Tường		051089005238	06/01/2025	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/07/2012	12/12	Đại học		Trường Đại học Quy Nhơn	Chính quy
54	T35- V 07 05 15- 13340	NGUYỄN THỊ HOA	HOA	10/06/1975	50	Nữ	Giao viên trung học phổ thông hàng III	21055-Xã Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn		051175009886	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/09/1997	12/12	Đại học	Tiếng Anh	Đại học Đà Nẵng - Trường Đại học Ngoại Ngữ	Tại Chư
55	T35- V 07 05 15- 13342	TRẦN XUÂN QUÝ	QUÝ	26/10/1974	51	Nam	Giao viên trung học phổ thông hàng III	Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn		051074010247	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/09/1997	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học	Trường Đại học Quy Nhơn	Chính quy
56	T35- V 07 05 15- 15273	BÙI VĂN NIÊM	NIÊM	02/08/1977	48	Nam	Giao viên trung học phổ thông hàng III	Đường Lê Thị Hạnh, thôn 5, xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Dương Lê Thị Hạnh, thôn 5, xã Bình Sơn	051077002747	22/04/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	30/08/1999	12/12	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Trường Đại học Quy Nhơn	Chính quy
57	T35- V 07 05 15- 15275	NGUYỄN VĂN GIỚI	GIỚI	19/06/1978	47	Nam	Giao viên trung học phổ thông hàng III	Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi	Lý hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Vạn Tường		051078016127	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	15/11/1999	12/12	Đại học	Giáo dục Thể chất	Trường Đại học Quy Nhơn	Chính quy
58	T35- V 07 05 15- 15282	TRƯƠNG TẤN	TẤN	29/01/1978	47	Nam	Giao viên trung học phổ thông hàng III	Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Thôn Phú Lễ 1, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	051078011871	18/08/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	19/09/2000	12/12	Đại học	Toán học	Trường Đại học Quy Nhơn	Chính quy
59	T35- V 07 05 15- 15285	ĐÀO VĂN VUÔNG	VUÔNG	12/11/1977	47	Nam	Giao viên trung học phổ thông hàng III	Thôn An Phong, xã Bình Mỹ, Xã Bình Chương, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Chương	Xóm 2, thôn an phong	051077012078	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/12/2001	12/12	Đại học	Vật lý kỹ thuật	Trường Đại học Quy Nhơn	Chính quy
60	T35- V 07 05 15- 15605	PHẠM THỊ HOÀNG	LIÊN	21/03/1976	49	Nữ	Giao viên trung học phổ thông hàng III	09952-Xã Đông Yên, Xã Phú Cát, Thành phố Hà Nội	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	127 Phạm Văn Đồng, xã Bình Sơn, Quảng Ngãi	051176012832	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	04/08/2011	12/12	Đại học	Sư phạm Hóa học	Trường Đại học Quy Nhơn	Chính quy
61	T35- V 07 05 15- 15817	HUYỀN THANH QUANG	QUANG	15/12/1971	53	Nam	Giao viên trung học phổ thông hàng III	21046-Xã Bình Thạnh, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn		051077011897	25/05/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	04/08/2011	12/12	Đại học	Toán học	Trường Đại học Quy Nhơn	Chính quy
62	T35- V 07 05 15- 15832	NGUYỄN NGỌC SANH	SANH	12/10/1977	48	Nam	Giao viên trung học phổ thông hàng III	xã Bình Chương, Tỉnh Quảng Ngãi, Xã Bình Chương, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	70/7, đường Tế Hạnh, xã Bình Sơn, Quảng Ngãi	051077004931	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/08/2012	12/12	Đại học	Sư phạm Vật lý	Trường Đại học Quy Nhơn	Chính quy
63	T35- V 07 05 15- 27633	NGÔ THỊ PHƯƠNG	TRANG	07/01/1978	47	Nữ	Giao viên trung học phổ thông hàng III	Đặc khu Lý Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	407 Phạm Văn Đồng, Thôn 4, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	051178011978	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	19/09/2003	12/12	Đại học	Sư phạm Lịch sử	Trường Đại học Sư phạm Huế	Chính quy
64	T35- V 07 05 15- 28506	TRẦN THỊ HUỆ	HUỆ	05/05/1983	42	Nữ	Giao viên trung học phổ thông hàng III	Đặc khu Lý Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	407 Phạm Văn Đồng, Thôn 4, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	051183015328	14/10/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/10/2010	12/12	Đại học	Toán tin	Trường Đại học Sư phạm Đà Nẵng	Chính quy

65	T35- V 07 05 15- 29890	HUYNH TÂN	TU	05/06/1977	48	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng III		Xóm B, Thôn Mỹ Huệ 1, Bình Sơn, Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Xóm B, Thôn Mỹ Huệ 1, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	05/10/7700912	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	16/01/2023	16/01/2023	12/12	Đại học	Sư phạm Đại học Quy Nhơn	Trưởng Đại học Quy Nhơn	Chinh quy
66	T35- V 07 05 15- 29954	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGA	04/07/1981	44	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng III		21058-Xã Bình Khương, Xã Bình Mạnh, Tỉnh Quảng Ngãi	L, hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	KDC SỐ 17 - THIÊN TUYẾT DIỆM 1 - XÃ VẠN TƯỜNG - TỈNH QUẢNG NGÃI	05/11/8101872	12/02/2025	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/09/2011	01/09/2011	12/12	Đại học	Sư phạm Trường Đại học Ngoại Ngữ	Trưởng Đại học Trường Đại học Quy Nhơn	Chinh quy
67	T35- V 07 05 15- 30007	NGUYỄN VĂN VUONG		04/10/1984	41	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng III		21043-Xã Bình Thuận, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Vạn Tường		05/10/8401380	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/11/2007	01/11/2007	12/12	Đại học	Sư phạm Đại học Vai lý	Trưởng Đại học Đại Lai	Chinh quy
68	T35- V 07 05 15- 32738	NGUYỄN VĂN QUỐC		22/11/1983	41	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng III		21052-Xã Bình Chánh, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	L, hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn		05/10/8300823	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	15/08/2015	15/08/2015	12/12	Đại học	Giáo dục Sư phạm Thái chất phổ Hồ Chí Minh	Trưởng Đại học Sư Phạm Đại học phổ Hồ Chí Minh	Chinh quy
69	T35- V 07 05 15- 32920	NGUYỄN TÂN HUNG		29/10/1981	44	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng III		Phổ Trung, Xã An Phú, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã An Phú	Xóm Tang Lộc, Thôn Phú Lộc, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	05/10/8101150	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	16/01/2023	16/01/2023	12/12	Đại học	Trưởng Đại học Đại Lai	Chinh quy	
70	T35- V 07 05 15- 32954	PHAN THỊ HỒNG	LOAN	16/08/1979	46	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng III		Thôn 2, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Phái giáo		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn		05/11/7901344	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	09/05/2011	09/05/2011	12/12	Đại học	Sư phạm Trường Đại học Đại Lai	Trưởng Đại học Đại Lai	Chinh quy
71	T35- V 07 05 15- 32960	NGUYỄN THỊ THUY		12/10/1985	40	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng III		khu dân cư số 3, thôn phước thiện 1, Xã Vạn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi	Độc thân	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Vạn Tường	khu dân cư số 3, thôn phước thiện 1	05/11/8501461	20/08/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/07/2012	01/07/2013	12/12	Đại học	Công phổ Hồ Chí Minh - Trường Đại học Cộng Nghe	Đạo tạo tư xa	
72	T35- V 07 05 15- 32961	TRẦN PHU THẢO		12/02/1985	40	Nam	Giáo viên trung học phổ thông hạng III		21082-Xã Bình Trung, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	tổ 1 - chi nguyên - phụ lý 1	05/10/8500992	19/02/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/07/2012	01/07/2012	12/12	Đại học	Công phổ Hồ Chí Minh - Trường Đại học Cộng Nghe	Đạo tạo tư xa	
73	T35- V 07 05 15- 32962	NGUYỄN THỊ THUYỀN		01/07/1984	41	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng III		Đội 4, xóm Vạn An, xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Xã Đông Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Vạn Tường	đội 4, Thôn Phước Thọ 1, Xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi	05/11/8400736	16/08/2024	BỘ CÔNG AN	01/08/2012	01/08/2012	12/12	Đại học	Công phổ Hồ Chí Minh - Trường Đại học Cộng Nghe	Trưởng Đại học Phạm Văn Đông	Chinh quy
74	T35- V 07 05 15- 32967	NGUYỄN THỊ YÊN		20/02/1989	36	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng III		Xã Kim Hoa, Tỉnh Hà Tĩnh	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	xóm 4, Tiến Đạo - tỉnh Trung - Xã Bình Sơn - Quảng Ngãi	04/21/8902170	04/03/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/07/2012	01/07/2013	12/12	Thạc sĩ	Văn học Việt Nam Đại học Sư Phạm	Trưởng Đại học Đại Lai	Chinh quy
75	T35- V 07 05 15- 32969	TRINH THỊ THU THANH		16/11/1988	36	Nữ	Giáo viên trung học phổ thông hạng III		Thôn Phú Lộc, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Thôn Phú Lộc, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	05/11/8801100	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính và trật tự xã hội	01/07/2011	01/07/2012	12/12	Đại học	Sư phạm Đại học Sư Phạm	Trưởng Đại học Đại Lai	Chinh quy

76	T35- V 07 05 15- 41664	HOÀNG THI NHƯ	HUYỀN	12/12/1988	36	Nữ	Giao viên trung học phổ thông hàng III		21028-Phường Nghĩa Lộ, Phường Nghĩa Lộ, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Phường Nghĩa Lộ 3	To 3	05118800423 6	29/09/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	12/04/2013	12/04/2013	12/12	Đại học	Giao dục Chính trị	Trưởng Đại Học Quy Nhơn	Chinh quy
77	T35- V 07 05 15- 41714	PHẠM VĂN PHÚ	PHÚ	22/12/1987	37	Nam	Giao viên trung học phổ thông hàng III		Thôn Châu Thuận Tây, Xã Đông Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Xã Đông Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Đông Sơn	Thôn Châu Thuận Tây, Xã Đông Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	05108700570 6	14/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/08/2018	01/08/2018	12/12	Thạc sĩ	Phương pháp toán sơ cấp	Trưởng Đại học Sư phạm Đà Nẵng	Chinh quy
78	T35- V 07 05 15- 41796	K'	ĐUYET	06/11/1985	40	Nữ	Giao viên trung học phổ thông hàng III		24976-Xã Tân Hới, Xã Tân Hới, Tỉnh Lâm Đồng	Đã kết hôn	Có-ho	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Đông Sơn	Xóm 5 thôn Phước Hòa	06818500866 0	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	02/04/2018	02/04/2018	12/12	Đại học	Tiếng Anh Quốc tế thương mại	Đại Học Yersin Đà Lạt	Chinh quy
79	T35- V 07 05 15- 41797	PHẠM THI THU VÂN		26/03/1995	30	Nữ	Giao viên trung học phổ thông hàng III		Xã Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Thôn Tây Thuận, xã Bình Sơn, Quảng Ngãi	05119500826 2	28/06/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	02/04/2018	02/04/2018	12/12	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Trưởng Đại Học Phạm Văn Đồng	Chinh quy
80	T35- V 07 05 15- 41820	HUYỀN THI NGOC		22/12/1995	29	Nữ	Giao viên trung học phổ thông hàng III		ĐỐI 11 - NAM BINH - BINH NGUYỄN - BINH SON - QUANG NGAI, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Đôi 11 - Thôn Nam Bình	05119500997 9	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	16/01/2023	16/01/2023	12/12	Đại học	Giao dục Quốc phòng - An ninh	Đại Học Huế - Khoa Khoa Giáo Dục Thể Chất	Chinh quy
81	T35- V 07 05 15- 41856	CAO THI THU ONG	THU ONG	06/06/1993	32	Nữ	Giao viên trung học phổ thông hàng III		Thôn An Hòa 1, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, Xã Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Khu Dân Cư số 1, thôn Long Xuân, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	05119301737 7	20/08/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	10/01/2024	10/01/2024	12/12	Thạc sĩ	Hóa hữu cơ	Trưởng Đại học Sư phạm Đà Nẵng	Chinh quy
82	T35- V 07 05 15- 41912	PHẠM THANH NGHĨA		01/09/1993	32	Nam	Giao viên trung học phổ thông hàng III		Xã Đông Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Số 26, Võ Thị Đế, TDP4 thị trấn Châu Ổ	05109300716 3	01/09/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	07/10/2019	07/10/2019	12/12	Đại học	Giao dục Chính trị	Trưởng Đại học Sư phạm Huế	Chinh quy
83	T35- V 07 05 15- 42049	NGUYỄN THI NHƯ	NHƯ	02/08/1998	27	Nữ	Giao viên trung học phổ thông hàng III		21082-Xã Bình Trung, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Độc thân	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Sơn	Số 13 Huỳnh Tân Lợi	05119800948 1	20/08/2021	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	21/03/2022	21/03/2022	12/12	Đại học	Giao dục Thể chất	Trưởng Đại Học Thể Dục Thể Thao Đà Nẵng	Chinh quy
84	T35- V 07 05 15- 42212	NGO THI PHUONG	YEN	21/12/1994	30	Nữ	Giao viên trung học phổ thông hàng III		Đôi 7, thôn Phú Long 3, Xã Văn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi	Độc thân	Kinh	Không theo tôn giáo nào	X	Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Văn Tường		05119400707 7	11/05/2023	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/02/2023	01/02/2023	12/12	Đại học	Sinh học	Trưởng Đại Học Quy Nhơn	Chinh quy
85	T35- V 08 03 07- 32971	VU THI THU	NGUYET	18/08/1980	45	Nữ	Y sĩ		21082-Xã Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Văn Tường	Thôn Tuyết Diêm 3 - xã Văn Tường - Quảng Ngãi	05118001141 0	05/06/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/01/2006	01/01/2006	12/12	Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Trưởng Trung cấp Quân Y II	Chinh quy
86	T35- V 10 02 07 4224 4	NGUYỄN THI AI MY		15/01/1991	34	Nữ	Thư viên văn phòng		21079-Xã Bình Hòa, Xã Văn Tường, Tỉnh Quảng Ngãi	Đã kết hôn	Kinh	Không theo tôn giáo nào		Tỉnh Quảng Ngãi	Xã Văn Tường	Thôn 5	05119101302 9	11/01/2022	Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội	01/04/2011	01/04/2011	12/12	Trung cấp	Thiết bị trường học	Trưởng Đại Học Phạm Văn Đồng	Chinh quy